

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC
TẠI TP.HỒ CHÍ MINH
Số: 46.9.../SGD
V/v công bố thông tin

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP.Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 11 năm 2015

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh
2. Mã chứng khoán: SGD
3. Trụ sở chính: 63 Vĩnh Viễn, Phường 2, Quận 10, TP.Hồ Chí Minh
4. Điện thoại: 08.38323557-38352845 Fax: 08.3 8307141
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Phan Thị Nam Phương**
6. Nội dung của thông tin công bố:
- BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2015
7. Địa chỉ website đăng tải nội dung thay đổi: www.sgd.edu.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TC-HC-TH.

Người thực hiện CBTT



PHAN THỊ NAM PHƯƠNG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất chưa được kiểm toán cho kỳ tài chính kết thúc 30/9/2015

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07 tháng 04 năm 2004 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002336 ngày 20 tháng 05 năm 2004. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 10 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 24 tháng 06 năm 2014 với mã số doanh nghiệp là 0303280405. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Vốn điều lệ: 41.370.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 30/09/2015 của Công ty là 41.370.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 15,28% vốn điều lệ.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SGD.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 63 Vĩnh Viễn, Phường 2, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84) 08.38352175
- Fax: (84) 08.38307141
- Website: www.sgd.edu.vn

Công ty con

- Tên công ty: Công ty CP Sách –TBTH Đồng Nai
- Địa chỉ: 10 Võ Thị Sáu - TP Biên Hòa
- Ngành nghề kinh doanh chính: Thương mại
- Điện thoại: 061.3846425
- Tỷ lệ sở hữu: 50,84%

Ngành nghề kinh doanh chính

- Xuất bản sách (Chi tiết: In và mua bán các loại sách xuất bản của Nhà Xuất bản Giáo dục theo quy định của Nhà Xuất bản Giáo dục; mua bán văn hóa phẩm, ấn phẩm của các Nhà Xuất bản khác);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Mua bán thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Chi tiết: Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không hoạt động tại trụ sở));

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (thực hiện theo Khoản 1 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản));
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Xuất nhập khẩu hàng hóa có liên quan đến ngành nghề, phạm vi kinh doanh của công ty);
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất tập học sinh (không tái chế phế thải, sản xuất bột giấy tại trụ sở));
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn máy lọc nước).

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có trong kỳ kế toán là 37 người. Trong đó nhân viên quản lý là 9 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|----------------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Ngô Trọng Vinh | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 08/03/2014 |
| | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 19/11/2013 |
| • Bà Nguyễn Thị Lan Phương | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Ông Phạm Cảnh Toàn | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Ông Đỗ Thành Lâm | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Ông Nguyễn Trọng Hà | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 08/03/2014 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|---------------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Phan Xuân Phương | Trưởng ban | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Bà Huỳnh Thị Thùy Trang | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Bà Đỗ Thị Phương Thảo | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|----------------------------|----------------|------------------------------|
| • Ông Phạm Cảnh Toàn | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 08/03/2014 |
| • Ông Nguyễn Tuấn Kiệt | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Ông Ngô Trọng Vinh | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 08/03/2014 |
| • Bà Nguyễn Thị Lan Phương | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính Lô 78-80, Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Sự kiện nổi bật trong năm

Ngày 10 tháng 8 năm 2015 Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh đã mua thành công 925.300 CP (50,84%) cổ phần Công ty CP Sách & TBTH Đồng Nai của Tổng công ty Phát triển Khu công nghiệp. Theo đó, từ ngày 10/8/2015 Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh sẽ chuyển đổi mô hình thành Tổng Công ty (Công ty mẹ).

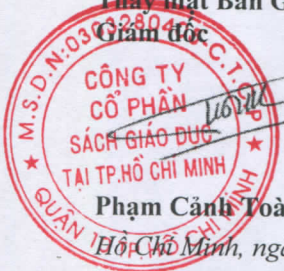
Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/09/2015 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc



Phạm Cảnh Toàn

Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 11 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 09 năm 2015

Mẫu số B 01 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư

số 202/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2015 VND	31/12/2014 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		99.591.300.791	50.823.943.116
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	34.316.160.278	20.864.777.723
1. Tiền	111		6.138.160.278	3.364.777.723
2. Các khoản tương đương tiền	112		28.178.000.000	17.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.986.481.700	1.745.178.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6	2.147.066.380	1.836.812.680
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(160.584.680)	(91.634.680)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		42.780.629.701	16.816.778.039
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	35.101.734.283	11.877.269.953
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	8.272.006.801	5.717.824.304
3. Các khoản phải thu khác	136	9a	633.233.584	419.773.914
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(1.226.344.967)	(1.198.090.132)
IV. Hàng tồn kho	140	11	20.246.899.734	11.296.069.206
1. Hàng tồn kho	141		22.977.286.586	13.547.124.858
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.730.386.852)	(2.251.055.652)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		261.129.378	101.140.148
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12a	100.949.735	3.999.996
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		160.179.643	97.140.152
B. TÀI SẢN DÀI HẠN			26.138.336.954	20.201.317.322
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		950.000.000	950.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	9b	950.000.000	950.000.000
II. Tài sản cố định	220		20.490.945.743	17.944.366.705
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	3.944.368.524	1.270.166.435
- Nguyên giá	222		8.913.386.474	2.166.259.390
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.969.017.950)	(896.092.955)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	16.546.577.219	16.674.200.270
- Nguyên giá	228		16.951.669.677	16.906.969.677
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(405.092.458)	(232.769.407)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.492.229.656	119.941.364
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	2.492.229.656	119.941.364
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		840.000.000	840.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	16	840.000.000	840.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.365.161.555	347.009.253
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12b	13.642.502	347.009.253
2. Lợi thế thương mại	269		1.351.519.053	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		125.729.637.745	71.025.260.438

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Ngày 30 tháng 09 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2015 VND	31/12/2014 VND
A. Nợ phải trả	300		61.393.014.802	16.516.200.072
I. Nợ ngắn hạn	310		61.393.014.802	16.516.200.072
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	17	32.214.087.205	10.296.062.315
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	800.751.130	245.349.159
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	797.685.400	272.485.835
4. Phải trả người lao động	314		3.973.126.559	2.492.676.778
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	3.040.425.219	3.155.051.967
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		38.181.819	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	20.503.954.631	46.739.500
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		24.802.839	7.834.518
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		64.336.622.943	54.509.060.366
I. Vốn chủ sở hữu	410		64.336.622.943	54.509.060.366
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	22	41.370.000.000	41.370.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		41.370.000.000	41.370.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.712.000.000	1.712.000.000
3. Cổ phiếu quỹ	415	22	(2.035.282.090)	(2.035.282.090)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	22	4.894.634.920	4.894.634.920
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	22	8.569.724.765	8.567.707.536
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.712.107.536	4.015.236.267
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.857.617.229	4.552.471.269
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		9.825.545.348	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		125.729.637.745	71.025.260.438



Phạm Cảnh Toàn

Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 11 năm 2015

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

Bùi Tuyết Mai

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán quý III năm 2015

Mẫu số B 02 – DN/IIIN
Ban hành theo Thông tư
số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III Năm 2015 VND	Lũy kế Năm 2015 VND
1. Doanh thu bán hàng và c.cấp dịch vụ	01	23	46,043,788,826	46,043,788,826
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	653,680,205	653,680,205
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	10		45,390,108,621	45,390,108,621
4. Giá vốn hàng bán	11	25	37,776,185,984	37,776,185,984
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và c.cấp dịch vụ	20		7,613,922,637	7,613,922,637
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	147,019,198	147,019,198
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		2,563,056,150	2,563,056,150
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		2,587,456,495	2,587,456,495
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2,610,429,190	2,610,429,190
11. Thu nhập khác	31	27	7,323,046	7,323,046
12. Chi phí khác	32	28	14,905	14,905
13. Lợi nhuận khác	40		7,308,141	7,308,141
14. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	29	2,617,737,331	2,617,737,331
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	637,381,051	637,381,051
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	29	1,980,356,280	1,980,356,280
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		1,914,531,395	1,914,531,395
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		65,824,885	65,824,885
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	514	514



Giám đốc

Phạm Cảnh Toàn

Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 11 năm 2015

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

Bùi Tuyết Mai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán quý III năm 2015

Mẫu số B 03 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư
số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	9 tháng đầu Năm 2015 VND	9 tháng đầu Năm 2014 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	61.329.247.582	67.610.498.189
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(44.322.897.964)	(56.088.488.327)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(3.966.725.834)	(2.334.186.225)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(763.013.107)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	3.070.155.273	881.316.934
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(2.471.127.567)	(7.251.365.391)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	12.875.638.383	2.817.775.180
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(195.093.292)	(258.264.536)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	-	18.090.909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(310.253.700)	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	(3.000.000.000)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	636.412.178	258.589.315
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	131.065.186	(2.981.584.312)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	4.465.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	4.465.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	13.006.703.569	4.301.190.868
Tiền và tương đương tiền tồn đầu năm	60	21.309.456.709	15.350.780.165
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	34.316.160.278	19.651.971.033



Giám đốc

Phạm Cảnh Toàn

Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 11 năm 2015

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

Bùi Tuyết Mai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07 tháng 04 năm 2004 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002336 ngày 20 tháng 05 năm 2004. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 10 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 24 tháng 06 năm 2014 với mã số doanh nghiệp là 0303280405. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Vốn điều lệ: 41.370.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 30/06/2015 của Công ty là 41.370.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 15,28% vốn điều lệ.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SGD.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Xuất bản sách (Chi tiết: In và mua bán các loại sách xuất bản của Nhà Xuất bản Giáo dục theo quy định của Nhà Xuất bản Giáo dục; mua bán văn hóa phẩm, ấn phẩm của các Nhà Xuất bản khác);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Mua bán thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Chi tiết: Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không hoạt động tại trụ sở));
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (thực hiện theo Khoản 1 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản));
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Xuất nhập khẩu hàng hóa có liên quan đến ngành nghề, phạm vi kinh doanh của công ty);
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất tập học sinh (không tái chế phế thải, sản xuất bột giấy tại trụ sở));
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn máy lọc nước).

1.4. Công ty con

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Đồng Nai

Địa chỉ: Số 10 Võ Thị Sáu, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Ngành nghề kinh doanh chính: Thương mại

Tỷ lệ sở hữu: 50,84%

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ kế toán từ 01/01/2015 đến 30/09/2015.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Công ty con

Công ty con là đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Các giao dịch bị loại ra khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch nội bộ và lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ và công ty con bị loại bỏ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4.2 Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán và các công cụ tài chính khác (thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi,...) được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu các chứng khoán đó. Cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán nếu giá trị thị trường của chứng khoán kinh doanh thấp hơn giá gốc.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Thời điểm ghi nhận ban đầu đối với các khoản đầu tư là thời điểm Công ty chính thức có quyền sở hữu. Cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Chứng khoán chưa niêm yết, các khoản đầu tư dưới hình thức khác được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Dự phòng

Đối với khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu.
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.5 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các khoản nợ phải thu được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Các khoản nợ phải thu là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên giao dịch.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	8 - 24
Máy móc thiết bị	3 - 6
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4.8 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- + Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn).
- + Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá TSCĐ là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đến bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

4.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty :

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.10 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính.

Thời điểm ghi nhận nợ phải trả là thời điểm phát sinh nghĩa vụ phải thanh toán của Công ty hoặc khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Các khoản nợ phải trả là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá bán tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

4.11 Vay và các khoản nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Đối với các khoản vay và nợ thuê tài

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

chính là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá bán tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.12 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Các khoản chi phí phải trả chủ yếu của Công ty gồm:

- Hoa hồng môi giới: được xác định theo tỷ lệ thỏa thuận được quy định trong Hợp đồng hoặc Biên bản thỏa thuận giữa các công ty sách.
- Chi phí bản thảo, nhuận bút: được xác định theo tỷ lệ nhuận bút thỏa thuận và phí giao thầu cho từng bộ sách, trong đó tỷ lệ thỏa thuận được quy định trong Hợp đồng hoặc Biên bản thỏa thuận giữa các công ty sách trong Tập đoàn.
- Chi phí lãi vay phải trả: được xác định theo lãi suất thỏa thuận của từng hợp đồng vay, thời gian vay và nợ gốc vay.
- Chi phí khác: được xác định dựa trên giá trị Hợp đồng đã ký với nhà cung cấp.

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh số vốn thực tế đã góp.

Thặng dư vốn cổ phần ghi nhận khoản chênh lệch giữa mệnh giá cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán) được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Việc phân phối lợi nhuận chỉ thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

4.14 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
- ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.15 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được xem là sự kiện cần điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

4.16 Giá vốn hàng bán

Giá vốn và khoản doanh thu tương ứng được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

Các khoản giảm giá vốn được ghi nhận khi Công ty hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho, chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ,...

4.17 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.18 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng được ghi nhận trong kỳ là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận là các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi giảm khi công ty hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng phải trả,...

4.19 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.20 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
 - ✓ Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa, giáo trình: Thuộc đối tượng không chịu thuế.
 - ✓ Các loại từ điển và các loại sách tham khảo không thuộc loại hỗ trợ sách giáo khoa: Áp dụng thuế suất 5%.
 - ✓ Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế là 22%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.21 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.22 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/09/2015	31/12/2014
Tiền mặt	324.180.770	216.270.715
Tiền gửi ngân hàng	5.813.979.508	3.148.507.008
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi kỳ hạn ≤ 3 tháng)	28.178.000.000	17.500.000.000
Cộng	34.316.160.278	20.864.777.723

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

6. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/09/2015				31/12/2014			
	Số lượng	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Số lượng	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Chứng khoán kinh doanh								
- Công ty CP Sách GD TP Hà Nội (EBS)	197.000	1.805.534.680	(160.584.680)	1.644.950.000	197.000	1.805.534.680	(91.634.680)	1.713.900.000
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển GD Hà Nội EID	27.700	341.531.700	-	341.531.700	3.000	31.278.000	-	31.278.000
Cộng		2.147.066.380	(160.584.680)	1.986.481.700		1.836.812.680	(91.634.680)	1.745.178.000

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/09/2015	31/12/2014
Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Giáo Dục Phương Nam	1.839.436.441	-
Công ty CP Sách Giáo Dục tại TP. Hà Nội	4.060.261.610	-
Các đối tượng khác	29.202.036.232	11.877.269.953
Cộng	35.101.734.283	11.877.269.953

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Công ty liên quan	30/09/2015	31/12/2014
Bán hàng		
CTY TNHH MTV Nhà Xuất Bản GD Việt Nam	13.611.220	500.000
NXBGD tại TP Cần Thơ	12.513.690	3.737.621
CTY CP SGD tại TP. Hà Nội	4.060.621.610	-
CTY CP SGD tại TP. Đà Nẵng	1.378.605.020	-
CTY CP Sách ĐH dạy nghề	3.043.950	-
CTY CP Học liệu (EMCO)	208.847.850	-
CTY CP ĐT & PT GD Phương Nam	1.839.436.441	-
CTY CP ĐT & PT GD Đà Nẵng	164.988.000	-
CTY CP Sách dịch & Từ điển GD	23.462.961	25.912.341
CTY CP Sách & TBGD Miền Trung	141.714.165	-
CTY CP Sách & TBGD Cửu Long	243.789.100	57.302.279

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/09/2015	31/12/2014
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	1.946.152.793	-
Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Giáo Dục Phương Nam	653.158.011	-
Công ty TNHH In và Thương Mại Vĩnh Thành	4.758.998.314	-
Các đối tượng khác	913.697.683	5.717.824.304
Cộng	8.272.006.801	5.717.824.304

9. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	30/09/2015		31/12/2014	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	-	-	19.062.500	-
Tạm ứng	158.292.756	-	49.200.000	-
Ký quỹ	394.075.994	-	290.075.994	-
Phải thu khác	80.864.834	-	61.435.420	-
Cộng	633.233.584	-	419.773.914	-

b. Dài hạn

	30/09/2015		31/12/2014	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (*)	950.000.000	-	950.000.000	-
Cộng	950.000.000	-	950.000.000	-

(*) Là khoản góp vốn với Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam theo HĐ số 005/SGD/2014/ĐTXB ngày 25/08/2014 để tham gia đầu tư vào Quỹ đầu tư xuất bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam cho hoạt động xuất bản sách giáo khoa và sách bổ trợ, thời gian hợp tác đầu tư là 5 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/09/2015	31/12/2014
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu trên 3 năm	1.145.461.765	1.198.090.132
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	80.883.202	-
Cộng	<u>1.226.344.967</u>	<u>1.198.090.132</u>

11. Hàng tồn kho

	30/09/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	531.589.101	-	144.241.612	-
Chi phí SX, KD dở dang	2.453.194.519	-	5.015.253.316	-
Thành phẩm	13.376.386.761	2.712.929.627	8.123.088.804	2.251.055.652
Hàng hóa	6.616.116.205	17.457.225	264.541.126	-
Cộng	<u>22.977.286.586</u>	<u>2.730.386.852</u>	<u>13.547.124.858</u>	<u>2.251.055.652</u>

12. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	30/09/2015	31/12/2014
Chi phí trả bảo hiểm chờ phân bổ	12.881.712	3.999.996
CCDC chờ phân bổ	88.068.023	-
Cộng	<u>100.949.735</u>	<u>3.999.996</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

b. Dài hạn

	30/09/2015	31/12/2014
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	13.642.502	20.463.753
Chi phí tổ chức bản thảo	-	326.545.500
Cộng	13.642.502	347.009.253

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	-	352.634.937	1.813.624.453	-	2.166.259.390
Tăng do hợp nhất	6.110.307.084	33.000.000	525.000.000	78.820.000	6.747.127.084
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	6.110.307.084	385.634.937	2.338.624.453	78.820.000	8.913.386.474
Khấu hao					
Số đầu kỳ	-	117.544.978	778.547.977	-	896.092.955
Tăng do hợp nhất	3.284.084.464	266.129	499.569.037	21.117.543	3.805.037.172
Khấu hao trong kỳ	25.137.983	45.646.568	195.231.650	1.871.621	267.887.823
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	3.309.222.447	163.457.675	1.473.348.664	22.989.164	4.969.017.950
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	-	235.089.959	1.035.076.476	-	1.270.166.435
Số cuối kỳ	2.801.084.637	222.177.262	865.275.789	55.830.836	3.944.368.524

Nguyên giá Tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/09/2015 là 288.345.517 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định đang cầm cố, thế chấp tại ngày 30/09/2015 là 0 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất không thời hạn (*) VND	Quyền sử dụng đất có thời hạn (**) VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số đầu năm	6.468.156.872	10.438.812.805	-	16.906.969.677
Tăng do hợp nhất	-	-	44.700.000	44.700.000
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	6.468.156.872	10.438.812.805	44.700.000	16.951.669.677
Khấu hao				
Số đầu năm	-	232.769.407	-	232.769.407
Tăng do hợp nhất	-	-	9.052.151	9.052.151
Tăng trong kỳ	-	161.148.051	2.122.849	163.270.900
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	-	393.917.458	11.175.000	405.092.458
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	6.468.156.872	10.206.043.398	-	16.674.200.270
Số cuối kỳ	6.468.156.872	10.044.895.347	33.525.000	16.546.577.219

(*) Quyền sử dụng đất lâu dài tại số nhà 363 Hưng Phú, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 151,2 m². Mục đích sử dụng: dùng để xây dựng văn phòng làm việc Công ty.

(**) Quyền sử dụng đất có thời hạn đến ngày 09/07/2062 tại thửa đất số 159, xã Đa Phước, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 595,8 m². Mục đích sử dụng dự kiến: xây dựng kho chứa sách và thiết bị trường học.

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/09/2015	31/12/2014
Xây dựng nhà 363 Hưng Phú	2.492.229.656	119.941.364
Cộng	2.492.229.656	119.941.364

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính hợp nhất)

16. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tình hình hoạt động	30/09/2015			31/12/2014				
		Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác									
Công ty CP Thiết bị Trường học Sóc Trăng	Đang hoạt động	6,02%	6,02%	840.000.000	-		840.000.000	-	
Cộng				840.000.000	-		840.000.000	-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính hợp nhất)

17. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/09/2015	31/12/2014
Công ty CP Giấy Phụng Vĩnh Hưng	431.461.424	2.992.980.667
Công ty CP Sách Giáo Dục tại TP. Hà Nội	4.389.120.683	1.102.904.623
Các đối tượng khác	27.393.505.098	6.200.177.025
Cộng	32.214.087.205	10.296.062.315

Trong đó: Phải trả người bán là các bên có liên quan

Mua hàng

CTY TNHH MTV Nhà Xuất Bản GD Việt Nam	-	-
NXBGD tại TPHCM	-	50.727.500
NXBGD tại TP Cần Thơ	-	-
CTY CP SGD tại TP. Hà Nội	4.389.120.683	363.582.604
CTY CP SGD tại TP. Đà Nẵng	2.830.821.947	346.198.863
CTY CP Sách ĐH dạy nghề	499.531.400	272.018.060
CTY CP Học liệu (EMCO)	6.846.000	24.995.920
CTY CP Sách Dân Tộc	543.236.493	129.916.053
CTY CP ĐT & PT GD Phương Nam	4.266.318.257	-
CTY CP ĐT & PT GD Đà Nẵng	231.876.876	106.146.982
CTY CP ĐT & PT GD Hà Nội	462.662.233	208.990.287
CTY CP Mỹ Thuật & Truyền Thông	282.681.423	64.410.263
CTY CP Sách dịch & Từ điển GD	-	-
CTY CP DV xuất bản Giáo dục Gia Định	285.346.458	146.163.958
CTY CP DV xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	62.878.000	63.088.000
CTY CP DV xuất bản Giáo dục Hà Nội	1.572.183.359	1.102.904.623
CTY CP Bản Đồ & Tranh ảnh GD	1.086.508.259	78.109.760
Tạp Chí Toán Học và Tuổi Trẻ	5.221.026	-
Tạp Chí Văn Học và Tuổi Trẻ	14.264.200	-
CTY CP Sách & TBGD Miền Trung	-	21.968.333
CTY CP Sách & TBGD Cửu Long	770.622.807	-
CTY CP Sách & TBGD Miền Bắc	719.957.580	-
CTY CP Sách & TBGD Miền Nam	618.816.054	-

18. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/09/2015	31/12/2014
Trường Tiểu học Phong Phú	29.000.000	52.500.000
Trường THCS Trần Văn Ôn	1.620.000	53.000.000
Công ty CP Công Nghệ Giáo Dục 3A	70.167.449	80.255.566
Các đối tượng khác	699.963.681	59.593.593
Cộng	800.751.130	245.349.159

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/09/2015	31/12/2014
Thuế giá trị gia tăng	226.845.895	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	484.060.898	164.581.690
Thuế thu nhập cá nhân	86.778.607	107.904.145
Cộng	797.685.400	272.485.835

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/09/2015	31/12/2014
	VND	VND
Chi phí bán thảo	2.187.085.135	1.995.832.812
Chi phí hoa hồng môi giới	580.674.893	1.109.219.155
Chiết khấu thương mại	268.243.191	-
Chi phí phải trả khác	4.422.000	50.000.000
	3.040.425.219	3.155.051.967

21. Phải trả ngắn hạn khác

	30/09/2015	31/12/2014
Kinh phí công đoàn	25.758.730	-
Bảo hiểm xã hội, BH Y tế, BHTN	27.871.170	-
Cổ tức phải trả	-	2.203.500
Các khoản phải trả, phải nộp khác	20.450.324.731	44.536.000
Cộng	20.503.954.631	46.739.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối
Số dư ngày 01/01/2014	41.370.000.000	1.712.000.000	(2.035.282.090)	4.380.081.485	9.341.829.499
Tăng trong năm	-	-	-	514.553.435	4.552.471.269
Giảm trong năm	-	-	-	-	5.326.593.232
Số dư ngày 31/12/2014	41.370.000.000	1.712.000.000	(2.035.282.090)	4.894.634.920	8.567.707.536
Số dư ngày 01/01/2015	41.370.000.000	1.712.000.000	(2.035.282.090)	4.894.634.920	8.567.707.536
Tăng trong năm	-	-	-	-	3.857.617.229
Giảm trong năm	-	-	-	-	3.855.600.000
Số dư ngày 30/09/2015	41.370.000.000	1.712.000.000	(2.035.282.090)	4.894.634.920	8.569.724.765

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/09/2015	31/12/2014
Vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	6.320.000.000	6.320.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	32.236.000.000	32.236.000.000
Cổ phiếu quỹ	2.814.000.000	2.814.000.000
Cộng	41.370.000.000	41.370.000.000

c. Cổ phiếu

	30/09/2015 Cổ phiếu	31/12/2014 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.137.000	4.137.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	4.137.000	4.137.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.137.000	4.137.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	281.400	281.400
- Cổ phiếu phổ thông	281.400	281.400
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.855.600	3.855.600
- Cổ phiếu phổ thông	3.855.600	3.855.600
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	30/09/2015	31/12/2014
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	8.567.707.536	9.341.829.499
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.857.617.229	4.552.471.269
Phân phối lợi nhuận	3.855.600.000	5.326.593.232
Phân phối lợi nhuận kỳ trước	3.855.600.000	5.326.593.232
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	514.553.435
- Trích quỹ KTQL, quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	185.319.797
- Trả cổ tức cho các cổ đông	3.855.600.000	4.626.720.000
	8.569.724.765	8.567.707.536

23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý III Năm 2015	Quý III Năm 2014
Doanh thu sách giáo khoa, tham khảo	46.043.788.826	38.764.411.630
Cộng	46.043.788.826	38.764.411.630

24. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Quý III Năm 2015	Quý III Năm 2014
Hàng bán trả lại	653.680.205	186.560.077
Cộng	653.680.205	186.560.077

25. Giá vốn hàng bán

	Quý III Năm 2015	Quý III Năm 2014
Giá vốn sách giáo khoa, tham khảo	37.776.185.984	31.283.928.299
Cộng	37.776.185.984	31.283.928.299

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý III Năm 2015	Quý III Năm 2014
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	147.019.198	123.145.748
Cộng	147.019.198	123.145.748

27. Thu nhập khác

	Quý III Năm 2015	Quý III Năm 2014
Thu nhập từ thanh lý CCDC	3.000.000	-
Thu nhập khác	2.384.046	-
Cộng	5.384.046	

28. Chi phí khác

	Quý III Năm 2015	Quý III Năm 2014
Chi phí khác	14.905	947.786
Cộng	14.905	947.786

29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Quý III Năm 2015	Quý III Năm 2014
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.617.737.331	2.625.368.853
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	-	-
- Điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lệ)	-	-
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	2.617.737.331	2.625.368.853
Thuế thu nhập doanh nghiệp	637.381.051	577.581.148
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	637.381.051	577.581.148
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.980.356.280	2.047.787.705

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Quý III Năm 2015	Quý III Năm 2014
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	1.980.356.280	2.047.787.705
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm LN kế toán	-	-
LN phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.980.356.280	2.047.787.705
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.855.600	3.855.600
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	514	531

31. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục VN	Công ty đầu tư
CTY CP SGD tại TP. Hà Nội	Chung công ty đầu tư
CTY CP SGD tại TP. Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
CTY CP Học liệu (EMCO)	Chung công ty đầu tư
CTy CP Sách & TBGD Miền Bắc	Chung công ty đầu tư
CTY CP ĐT & PT Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
CTY CP Sách Dân Tộc	Chung công ty đầu tư
CTY CP Đầu tư & Phát triển GD Phương Nam	Chung công ty đầu tư
CTY CP Đầu tư & Phát triển GD Hà Nội	Chung công ty đầu tư
CTY CP Mỹ Thuật & Truyền Thông	Chung công ty đầu tư
CTY CP Sách dịch & Từ điển GD	Chung công ty đầu tư
CTY CP DV xuất bản Giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư
CTY CP DV xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
CTY CP DV xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
CTY CP Sách & TBGD Miền Trung	Chung công ty đầu tư
CTY CP Sách & TBGD Miền Nam	Chung công ty đầu tư
CTy CP Sách & TBGD Cửu Long	Chung công ty đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ kế toán

Công ty liên quan	30/09/2015	31/12/2014
Bán hàng		
CTY TNHH MTV Nhà Xuất Bản GD Việt Nam	13.611.220	500.000
NXBGD tại TP Cần Thơ	12.513.690	3.737.621
CTY CP SGD tại TP. Hà Nội	4.060.621.610	-
CTY CP SGD tại TP. Đà Nẵng	1.378.605.020	-
CTY CP Sách ĐH dạy nghề	3.043.950	-
CTY CP Học liệu (EMCO)	208.847.850	-
CTY CP ĐT & PT GD Phương Nam	1.839.436.441	-
CTY CP ĐT & PT GD Đà Nẵng	164.988.000	-
CTY CP Sách dịch & Từ điển GD	23.462.961	25.912.341
CTY CP Sách & TBGD Miền Trung	141.714.165	-
CTY CP Sách & TBGD Cửu Long	243.789.100	57.302.279
Mua hàng		
CTY TNHH MTV Nhà Xuất Bản GD Việt Nam	-	-
NXBGD tại TPHCM	-	50.727.500
NXBGD tại TP Cần Thơ	-	-
CTY CP SGD tại TP. Hà Nội	4.389.120.683	363.582.604
CTY CP SGD tại TP. Đà Nẵng	2.830.821.947	346.198.863
CTY CP Sách ĐH dạy nghề	499.531.400	272.018.060
CTY CP Học liệu (EMCO)	6.846.000	24.995.920
CTY CP Sách Dân Tộc	543.236.493	129.916.053
CTY CP ĐT & PT GD Phương Nam	4.266.318.257	-
CTY CP ĐT & PT GD Đà Nẵng	231.876.876	106.146.982
CTY CP ĐT & PT GD Hà Nội	462.662.233	208.990.287
CTY CP Mỹ Thuật & Truyền Thông	282.681.423	64.410.263
CTY CP Sách dịch & Từ điển GD	-	-
CTY CP DV xuất bản Giáo dục Gia Định	285.346.458	146.163.958
CTY CP DV xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	62.878.000	63.088.000
CTY CP DV xuất bản Giáo dục Hà Nội	1.572.183.359	1.102.904.623
CTY CP Bản Đồ & Tranh ảnh GD	1.086.508.259	78.109.760
Tạp Chí Toán Học và Tuổi Trẻ	5.221.026	-
Tạp Chí Văn Học và Tuổi Trẻ	14.264.200	-
CTY CP Sách & TBGD Miền Trung	-	21.968.333
CTY CP Sách & TBGD Cửu Long	770.622.807	-
CTY CP Sách & TBGD Miền Bắc	719.957.580	-
CTY CP Sách & TBGD Miền Nam	618.816.054	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

32. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014, số liệu so sánh của Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên báo cáo tài chính cho kỳ kế toán quý III năm 2014.



Phạm Cảnh Toàn

Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 11 năm 2015

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

Bùi Tuyết Mai